

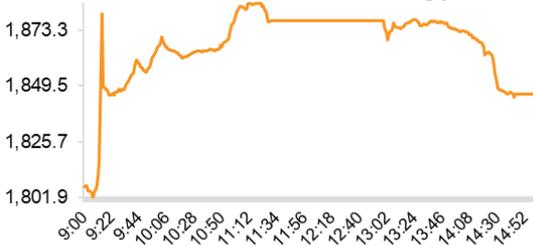
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1,846.1	259.0	128.7
1 ngày (%)	-1.8	-1.5	-0.5
1 tháng (%)	2.2	-0.5	-0.3
Từ 2026	3.5	4.1	6.4
1 Năm (%)	41.4	8.3	29.3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	334	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1.8	2.0	1.1
Số mã tăng	132	88	138
Số mã giảm	202	70	171
Số mã tham chiếu	70	138	436

Nguồn: Bloomberg

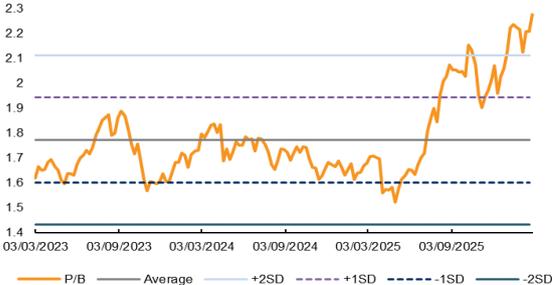
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Thị trường ghi nhận áp lực bán mạnh trước biến động địa chính trị

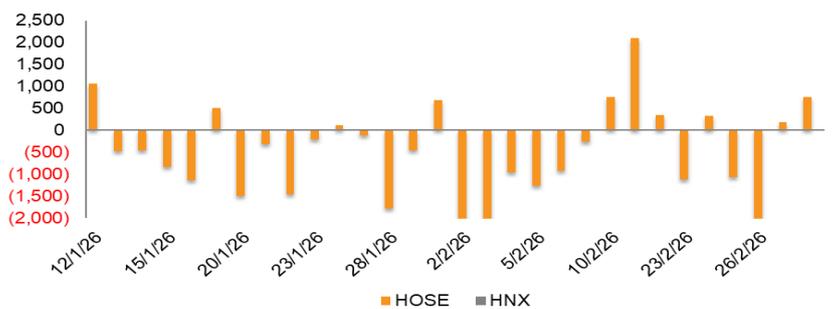
Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận diễn biến tiêu cực diện rộng với sắc đỏ bao phủ hầu hết các nhóm ngành. Áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng mạnh trong buổi chiều, chỉ một số ít mã thuộc nhóm phòng thủ và đặc thù duy trì được sắc xanh. Kết thúc phiên giao dịch ngày 03/02, VN-Index đóng cửa tại 1.846,10 điểm, giảm 34,23 điểm (-1,82%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về chiều tiêu cực với 106 cổ phiếu tăng và 244 cổ phiếu giảm, phản ánh áp lực phân phối diễn ra trên diện rộng.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.010,75 điểm, giảm 51,00 điểm (-2,47%). Trong rổ VN30, lực bán áp đảo hoàn toàn khi chỉ ghi nhận 5 cổ phiếu tăng trong khi có tới 25 cổ phiếu giảm, cho thấy nhóm vốn hóa lớn chịu áp lực bán mạnh, đặc biệt trong phiên chiều khi lực cầu đỡ giá suy yếu rõ rệt. Phiên hôm nay có sự phân hóa ngành khá rõ nét: nhóm Dầu khí (+7,58%), nhóm Hóa chất (+5,85%) và Dịch vụ tiện ích (+4,52%) duy trì sắc xanh, cho thấy dòng tiền đang luân chuyển về các ngành có đặc thù phòng thủ hoặc hưởng lợi từ biến động giá hàng hóa. Ở chiều ngược lại, sắc đỏ tràn ngập ở nhóm còn lại bao gồm: Bất động sản (-3,48%) và Ngân hàng (-3,15%) là các nhóm chịu áp lực bán nặng nề nhất, kéo chỉ số chung giảm điểm mạnh.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 03/02 đạt 41.780,33 tỷ đồng, tăng mạnh 59,04% so với phiên trước đó (26.269,59 tỷ đồng), vượt đáng kể mức trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự gia tăng đột biến về thanh khoản trong bối cảnh thị trường giảm điểm là tín hiệu cần theo dõi thận trọng. Điều này có thể phản ánh áp lực phân phối gia tăng hoặc hiện tượng bắt đáy kết hợp với lực xả mạnh từ phía bán, chưa đủ cơ sở để xác nhận xu hướng đảo chiều. Trong bối cảnh thị trường ghi nhận phiên giảm mạnh với độ rộng tiêu cực và thanh khoản tăng đột biến, nhà đầu tư cần thận trọng và ưu tiên quản trị rủi ro trước khi tìm kiếm cơ hội: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: (1) Tránh tâm lý bán tháo theo đám đông trong các nhịp rung lắc mạnh; cần đánh giá lại danh mục và cắt giảm các vị thế yếu kém, kém thanh khoản. (2) Ưu tiên duy trì các cổ phiếu thuộc nhóm ngành có câu chuyện riêng và dòng tiền rõ ràng như Dầu khí và Tài nguyên.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.6	141.1	3.9	-2.5	-3.6	-0.1	36.2	86.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.4	23.9	5.4	-0.8	-6.3	-4.0	11.5	28.6
Năng lượng	3.3	31.7	2.6	6.9	26.5	89.0	113.6	-29.3
Tài chính	38.5	12.9	1.9	-2.9	-2.6	6.3	25.6	112.3
Chăm sóc sức khỏe	0.5	35.1	2.8	-0.9	-0.8	3.1	11.2	124.5
Công nghiệp	7.4	23.1	5.0	-1.7	3.1	-1.1	52.1	151.9
Công nghệ thông tin	2.0	17.4	4.0	-3.7	-13.5	-4.3	-22.9	8.8
Vật liệu xây dựng	6.8	23.1	2.2	2.3	7.0	27.7	19.7	174.6
Bất động sản	24.3	66.1	6.0	-3.6	16.7	-6.0	472.7	42.1
Dịch vụ tiện ích	5.1	20.7	3.3	5.7	2.3	43.6	55.9	66.3

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ vnd)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Hoa Kỳ và Israel đã tiến hành các đợt không kích quy mô lớn nhất từ trước đến nay vào Iran cuối tuần qua trong chiến dịch mang tên "Epic Fury", dẫn đến cái chết của Lãnh tụ tối cao Ayatollah Ali Khamenei. Iran phản đòn bằng các đợt tấn công tên lửa vào các căn cứ quân sự Mỹ tại Qatar, Kuwait, UAE và Bahrain, đồng thời phóng tên lửa về phía Israel.
- Trung Quốc: Tại kỳ họp Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc (NPC) bắt đầu ngày 5/3, các quan chức Trung Quốc dự kiến sẽ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2026 ở mức 4,5–5%, thấp hơn mức "khoảng 5%" của những năm gần đây — tín hiệu cho thấy Bắc Kinh có thể chấp nhận tốc độ tăng trưởng chậm hơn trong bối cảnh tiêu dùng nội địa vẫn yếu và lĩnh vực bất động sản tiếp tục là gánh nặng. Kỳ họp năm nay đặc biệt quan trọng khi đây cũng là thời điểm khai mạc Kế hoạch 5 năm lần thứ 15 (2026–2030).

Tin vĩ mô trong nước

- Chỉ số PMI sản xuất Việt Nam theo S&P Global tháng 2/2026 đạt 54,3 điểm, tăng từ mức 52,5 của tháng 1, đánh dấu tháng cải thiện thứ tám liên tiếp của điều kiện kinh doanh ngành sản xuất. Sản lượng tăng trưởng với tốc độ cao nhất trong 19 tháng qua, trong khi niềm tin kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ tháng 9/2022 — tín hiệu tích cực cho đà phục hồi sản xuất bước vào quý I/2026. Tuy nhiên, xuất khẩu mới không đổi so với tháng 1, phản ánh sự bất ổn còn hiện hữu trên thị trường quốc tế.
- Về tác động thuế quan, sự chuyển dịch từ IEEPA sang thuế suất đồng nhất 15% theo Section 122 giúp giảm đáng kể gánh nặng thuế quan của Đông Nam Á — đây là kết quả đặc biệt quan trọng đối với Việt Nam, vốn phụ thuộc lớn vào tăng trưởng xuất khẩu và hiện là nước xuất khẩu lớn thứ ba của châu Á vào Mỹ. Tuy nhiên, tính tạm thời của thuế quan Section 122 (hết hạn 24/7/2026) vẫn khiến doanh nghiệp xuất khẩu phải tiếp tục theo dõi sát các diễn biến lập pháp tại Washington..

Tin ngành và doanh nghiệp

- **FTSE Russell – Kỳ đánh giá trung gian tháng 3/2026:** Kỳ đánh giá trung gian tháng 3/2026 của FTSE Russell đang diễn ra, với trọng tâm là đánh giá tiến độ tạo điều kiện tiếp cận cho các nhà môi giới toàn cầu — yếu tố then chốt để hỗ trợ tái tạo chỉ số và đáp ứng nhu cầu của cộng đồng đầu tư quốc tế trước khi nâng hạng chính thức vào tháng 9/2026. Kết quả sẽ được công bố chính thức vào ngày 7/4/2026. Các cổ phiếu vốn hóa lớn như HPG, VCB, VIC, VHM tiếp tục được thị trường quan tâm đặc biệt trong bối cảnh chờ đợi kết quả kỳ đánh giá này.
- **Nhóm Dầu khí – Chu kỳ tăng trưởng mới:** Theo báo cáo ngành dầu khí 6 tháng đầu năm 2026, giai đoạn 2026–2028 được xem là chu kỳ tăng trưởng mới của ngành năng lượng khí khung pháp lý dần cải thiện và các dự án trọng điểm như Lô B – Ô Môn bước vào giai đoạn xây dựng cao điểm, song song với định hướng phát triển LNG theo Quy hoạch Điện quốc gia. Đây là một trong những chất xúc tác cơ bản hỗ trợ nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục dẫn dắt thị trường.
- **HPG (Hòa Phát) – Hưởng lợi kép từ FTSE và giá thép:** Hòa Phát Group được xác định là một trong những cổ phiếu hưởng lợi trực tiếp từ việc nâng hạng thị trường, với dự báo từ Maybank Investment Bank và các công ty chứng khoán về khả năng thu hút dòng vốn thụ động mạnh mẽ sau khi FTSE chính thức hoàn tất thủ tục. Bên cạnh đó, giá thép phục hồi và kế hoạch mở rộng công suất Dung Quất 2 đang được theo dõi sát như những yếu tố hỗ trợ kết quả kinh doanh quý I/2026.
- **HHV Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tiếp tục chào bán gần 6,6 triệu cổ phiếu còn dư:** Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tiếp tục chào bán gần 6,6 triệu cổ phiếu còn dư sau đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân bất tăng mạnh lên 11,3% ngày thứ Hai do một số hợp đồng hoán đổi ngoại tệ và một lượng lớn hợp đồng repo đáo hạn (47 nghìn tỷ đồng). Cùng ngày, NHNN đã phát trở lại 82 nghìn tỷ đồng hợp đồng repo, bù lại toàn bộ khối lượng đáo hạn trong cả tuần trước (23/2 – 27/2). Tính chung trong ngày, NHNN đã bơm ròng ~ 35 nghìn tỷ đồng vào hệ thống, nâng tổng giá trị bơm ròng lũy kế trở lại mức 460 nghìn tỷ đồng.
- Tỷ giá USDVND tăng 0,5% so với thứ Sáu lên mức 26.185 do chỉ DXY tăng vượt mức 98 trước kỳ vọng Fed có thể trì hoãn lộ trình cắt giảm lãi suất trong năm nay khi rủi ro lạm phát tăng trở lại trước các xung đột vũ trang giữa Mỹ và Iran.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3.82	1.8	4.9	17.4	58.1
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ngày)	11.25	312.1	16.6	581.8	139.4
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8.70	20.3	17.1	5.5	87.1
USD/VND	26,188	-0.5	-0.7	0.4	-2.3
DXY	98.17	0.6	0.5	-0.2	-8.8
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	3.96	0.7	-7.3	-4.9	-5.8
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3.40	0.7	-6.6	-3.9	-14.3

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5,402.80	3.0	16.9	24.5	89.7
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	72.00	7.4	15.9	25.4	3.2
Dầu Brent (USD/b) 1 tháng	78.60	7.9	18.6	29.2	7.4
Thép (USD/tấn)	461.5	-0.3	-2.0	-2.3	-8.8
Thịt heo (USD/kg)	1.6	-1.7	-15.0	-15.1	-26.0
Gạo (USD/tấn)	469.9	-0.3	-6.8	8.0	-22.0
Phân urea (USD/tấn)	441.5	3.0	14.4	28.9	11.8

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 02/03/2026	Việt Nam	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất tháng 2.2026
Thứ Tư 04/03/2026	Trung Quốc	Chỉ số PMI lĩnh vực sản xuất và PMI lĩnh vực dịch vụ tháng 2.2026
Thứ Sáu 06/03/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 2.2026
	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 2.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản tháng (triệu USD)	TB 3 ngoài (triệu usd)	Room nước	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không											
ACV	7,004	5.4	3,285	51,200	73,300	44.2%	1.1%	16.9	2.6	17%	
AST	128	0.0	5	74,400	85,400	18.1%	3.4%	13.5	5.7	45%	
HVN	3,137	1.7	670	26,400	43,400	66.8%	2.4%	10.3	13.6		
VJC	3,495	12.2	820	169,000	113,600	-32.2%	0.6%	44.9	4.0	10%	
Bán lẻ											
BAF	428	4.4	196	36,850	37,200	0.9%		68.3	2.8	3%	
DGW	411	5.1	119	48,700	49,600	2.9%	1.0%	19.5	3.1	17%	
FRT	1,099	3.7	179	169,000	150,300	-10.9%	0.2%	36.2	5.5	26%	
MCH	6,982	1.9	2,436	141,000	147,000	5.7%	1.4%	27.4	10.1	46%	
MWG	5,081	24.8	70	90,000	96,300	8.1%	1.1%	18.8	4.1	23%	
PNJ	1,622	7.2	12	124,500	109,900	-10.9%	0.8%	15.4	3.2	23%	
QNS	692	0.3	281	49,300	53,400	10.3%	2.0%	8.1	1.4	18%	
SAB	2,312	3.8	962	47,200	59,900	31.1%	4.2%	14.1	2.9	20%	
VHC	550	3.0	438	64,200	71,300	14.2%	3.1%	10.6	1.5	15%	
VNM	5,315	17.8	2,640	66,600	74,800	16.6%	4.3%	16.5	4.5	27%	
Tài chính											
ACB	4,698	12.2	129	23,950	31,300	34.3%	3.6%	7.9	1.3	18%	
BID	12,119	15.5	1,540	45,200	47,200	5.4%	1.0%	10.6	1.9	19%	
CTG	10,929	23.2	507	36,850	49,000	33.8%	0.8%	8.3	1.6	21%	
HDB	5,151	21.1	214	26,950	39,500	49.0%	2.4%	7.6	1.8	25%	
LPB	4,780	3.3	201	41,900	33,400	-14.3%	6.0%	11.0	2.7	25%	
MBB	8,505	31.7	1	27,650	32,900	20.8%	1.8%	8.3	1.6	22%	
STB	4,823	28.8	741	67,000	45,700	-30.9%	0.9%	21.3	2.1	10%	
TCB	9,376	16.7	0	34,650	40,300	19.2%	2.9%	9.7	1.4	16%	
TPB	1,886	8.2	100	17,800	17,800	5.4%	5.4%	6.7	1.2	18%	
VCB	20,069	25.3	1,878	62,900	69,300	10.9%	0.7%	14.9	2.3	17%	
VIB	2,197	4.3	5	16,900	23,600	43.3%	3.6%	7.9	1.2	16%	

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8,498	22.6	434	28,050	37,100	34.0%	1.8%	9.3	1.3	15%
Dệt may										
MSH	163	0.8	71	38,000	40,600	17.4%	10.5%	7.0	2.2	33%
TCM	111	1.5	2	26,000	29,800	16.5%	1.9%	12.0	1.2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2,569	2.9	844	65,000	68,600	7.2%	1.7%	19.5	3.0	16%
GMD	1,319	5.0	108	81,000	72,000	-8.6%	2.5%	22.1	2.6	12%
HAH	433	4.5	97	67,100	55,400	-16.3%	1.1%	9.8	2.5	29%
VSC	387	8.0	184	27,100	19,100	-27.7%	1.8%	29.8	1.9	7%
IDC	719	5.5	252	49,600	45,600	-5.0%	3.0%	9.7	2.9	32%
KBC	1,259	6.4	477	35,000	30,000	-13.2%	1.1%	14.2	1.3	10%
PHR	349	1.9	127	67,400	68,400	3.5%	2.0%	19.2	2.2	13%
VTP	480	3.5	209	103,200	129,200	26.2%	1.0%	36.1	7.1	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1,092	14.7	449	75,300	128,300	74.4%	4.0%	10.1	1.9	20%
HPG	8,353	42.8	2,224	28,500	30,000	6.3%	1.0%	14.2	1.7	13%
Dầu khí										
BSR	6,377	16.0	2,986	33,350	16,700	-48.6%	1.3%	32.2	2.8	9%
GAS	10,633	11.6	4,965	115,400	78,400	-30.3%	1.8%	24.4	4.2	18%
OIL	865	3.5	52	21,900	14,800	-31.3%	1.1%	69.3	2.2	3%
PLX	2,998	13.3	131	61,800	47,700	-20.9%	1.9%	32.9	3.0	10%
PVD	877	10.6	319	41,300	32,600	-15.0%	6.1%	25.1	1.4	6%
PVS	1,017	13.3	330	52,100	41,800	-18.5%	1.3%	14.6	1.8	13%
PVT	461	4.1	177	25,700	23,400	-8.1%	0.9%	11.6	1.4	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	766	5.4	341	29,500	22,700	-20.1%	2.9%	19.6	1.8	10%
DCM	929	4.6	403	45,950	40,000	-8.6%	4.4%	14.3	2.3	16%
DDV	190	1.7	89	34,000	39,700	19.4%	2.6%	29.5	2.8	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	113	1.0	54	36,500	34,100	-5.2%	1.4%	217.3	2.4	1%
Điện										
POW	1,816	8.0	819	15,500	14,400	-6.0%	1.1%	18.8	1.3	7%
Điện và BĐS										
HDG	396	2.4	122	28,000	37,400	35.0%	1.5%	14.7	1.5	11%
PC1	478	5.8	165	30,450	26,500			13.5	1.9	15%
REE	1,330	1.3	0	64,300	76,600	20.7%	1.6%	13.8	1.7	13%
Bất động sản										
DXG	618	8.5	172	14,550	18,300	39.5%	13.7%	63.0	1.1	2%
KDH	1,163	6.1	254	27,150	41,800	55.0%	1.1%	31.0	1.6	5%
NLG	490	3.1	39	26,450	42,200	61.3%	1.7%	18.1	1.0	6%
VHM	15,763	33.0	6,600	100,500	93,600			10.0	1.7	19%
VRE	2,412	12.5	897	27,800	32,000	18.9%	3.8%	9.8	1.3	14%
Công nghệ										
FPT	5,828	37.9	799	89,600	118,200	33.0%	1.1%	16.3	4.2	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA